

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T,  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 25-10-2021  
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa.

Ông Phạm Văn Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 114/**2021**/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: A Bùi Tư T, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông **Phạm Văn K**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: M Nguyễn Văn K, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà T, ông K vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2020 và các lời trình bày của bà Nguyễn Thị T có nội dung:*

Bà quen biết và kết hôn với ông Phạm Văn K từ năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An. Bà và ông K chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc. Bà đã về nhà mẹ ruột ở từ năm 2018 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: bà và ông K có 02 con chung tên Phạm Thị Yến N sinh ngày 13/01/2008 và Phạm Nhất H sinh ngày 25/11/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22/4/2021, bà có văn bản đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt trong ngày xét xử sơ thẩm.

*Bị đơn, ông Phạm Văn K vắng mặt:*

Ông K đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông K không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Phiên tòa hôm nay, ông K cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: bà T và ông K có 02 con chung, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung, không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy ông K cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu này nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn K có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T, Bị đơn là ông Phạm Văn K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông K đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông K không chấp hành. Riêng bà T đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa

án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn K tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An năm 2007 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết được việc bà T yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản thể hiện ý kiến của ông là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông K đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà T và ông K có hai (02) con chung tên là Phạm Thị Yến N sinh ngày 13/01/2008 và Phạm Nhất H sinh ngày 25/11/2014. Bà T đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung. Ông K không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy, các con chung hiện đang sống chung với bà T ổn định, nguyện vọng của con chung là Yến N cũng mong muốn được sống với mẹ nên tiếp tục giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung, ông K cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà T, không buộc ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Ông K được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung ông K và bà T có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp sang thành tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà T đã nộp đủ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T, cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Phạm Văn K.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Thị Yến N sinh ngày 13/01/2008 và Phạm Nhất H sinh ngày 25/11/2014 cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Văn K có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung, ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0005075 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An thành án phí dân sự sơ thẩm, bà T đã nộp đủ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Kiều Trinh**